

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hậu
2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 358/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “ly hôn, Tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị Thanh P**, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Tân Lễ B, xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

*Bị đơn:* Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn Tân Lễ B, xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Bà P có mặt, ông T vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2024 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh P trình bày:*

Bà và ông Hoàng Văn T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống thì bà và ông T chung sống hạnh phúc. Tới năm 2022 thì bà và ông T có những mâu thuẫn xảy ra, ông T rất gia trưởng, bắt vợ con phải nghe theo ý kiến của ông, nếu không nghe theo là giận, không nói chuyện với vợ con trong một thời gian dài, không quan tâm tới cuộc sống của bà và các con. Mặc dù ông T không đánh đập chửi bới bà nhưng khi có mâu thuẫn với vợ con ông T luôn sử dụng P pháp im lặng, không trao đổi, không tìm cách giải quyết vấn đề. Chính vì vậy giữa bà và ông T ngày càng không hiểu nhau, không có sự trao đổi qua lại, việc ai người đó làm, là vợ chồng nhưng không khác gì người ngoài. Bà và ông T dần mất đi tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông T sống ly thân đến nay là hai năm. Nay bà xét thấy, bà không còn tình cảm gì với ông T, cuộc sống chung không còn ý nghĩa nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T để ông T có được sự tự do mà ông muốn.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có hai con chung là trẻ Hoàng Ngọc Thảo A, sinh ngày 12/9/2009 và trẻ Hoàng Ngọc Phương A1, sinh ngày 18/3/2011. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và trẻ A1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu nêu trên.

Bị đơn ông Hoàng Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh P được ly hôn với ông Hoàng Văn T

Về con chung: Giao 02 con chung trẻ Hoàng Ngọc Thảo A, sinh ngày 12/9/2009 và trẻ Hoàng Ngọc P Ah, sinh ngày 18/3/2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hoàng Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với ông Hoàng Văn T. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Hoàng Văn T cư trú tại tổ 1, thôn Tân Lễ B, xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Hoàng Văn T nhưng ông T vẫn không đến Tòa tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Ông T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của bà P nhưng ông T vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự các buổi hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thanh P và ông Hoàng Văn T sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Trước tòa hôm nay, bà Hoàng Thị Thanh P xác định bà và ông Hoàng Văn T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, bà P khai do ông T rất gia trưởng, bắt vợ con phải nghe theo ý kiến của ông, nếu không nghe theo là giận, không nói chuyện với vợ con trong một thời gian dài, không quan tâm tới cuộc sống của bà và các con. Mặc dù ông T không đánh đập chửi bới bà nhưng khi có mâu thuẫn với vợ con ông T luôn sử dụng phương pháp im lặng, không trao đổi, không tìm cách giải quyết vấn đề. Chính vì vậy giữa bà và ông T ngày càng không hiểu nhau, không có sự trao đổi qua lại, việc ai người đó làm, là vợ chồng nhưng không khác gì người ngoài. Bà và ông T dần mất đi tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông T đã sống ly thân được hai năm. Mặt khác ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà P và ông T không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông T.

[7] Về con chung: Bà P xác nhận bà và ông T có hai con chung là trẻ Hoàng Ngọc Thảo A, sinh ngày 12/9/2009 và trẻ Hoàng Ngọc Phương A1, sinh ngày 18/3/2011. Sau khi ly hôn, bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và trẻ A1. Bà P xác nhận trẻ A và trẻ A1 hiện nay đang ở cùng bà P. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa để thể hiện ý kiến của ông về vấn đề con chung mà vắng mặt không lý do.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thì trẻ A và trẻ A1 đều có nguyện vọng được sống với bà P

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ A và trẻ A1 tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt hiện tại của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ A và trẻ A1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà P và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

[9] Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà với ông T. Ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề tài sản chung giữa ông và bà P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà P với ông T trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác

[10] Về nợ chung: Bà P xác nhận bà và ông T không có nợ chung. Ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề nợ chung giữa ông và bà P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung giữa bà P và ông T trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[11] Về án phí: Bà Hoàng Thị Thanh P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị Thanh P  
Cho bà Hoàng Thị Thanh P được ly hôn với ông Hoàng Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 05/11/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai con chung là trẻ Hoàng Ngọc Thảo A, sinh ngày 12/9/2009 và trẻ Hoàng Ngọc Phương A1, sinh ngày 18/3/2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thanh P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003883 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAD tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy**